TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01/12/2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Bùi Chí L.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Bà Trần Thị L**

2. **Bà Nguyễn Thị Ngọc D**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Kim Ư** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 01 tháng 12 năm 2022. Tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 334/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Văn X**, sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú Quý, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1992 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 973 tổ 8 khu phố Vĩnh Viễn, phường Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2022 ông Trần Văn X trình bày:** Trước đây ông X và bà H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau vào ngày 20/10/2017.

Lý do xin ly hôn: Ông X trình bày trong quá trình chung sống hai bên thường X phát sinh mâu thuẫn do tính tình đôi bên không hợp nhau, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình cảm rạn nứt, bà H đã về nhà mẹ ruột sinh sống, hai bên sống ly thân từ nhiều năm nay. Thấy không thể tiếp tục chung sống hạnh

phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Trần Văn X yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Về con chung: Ông X xác nhận ông và bà H chung sống có 01 người con chung tên Trần Quốc Thịnh, sinh ngày 20/10/2015, hiện đang sống với ông X. Ông X yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông X xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông X yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, yêu cầu đưa vụ án ra xét xử.

*** Bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày tại bản ý kiến ngày 23/11/2022 như sau:**

Bà H thống nhất với lời trình bày của ông X tại đơn khởi kiện xin ly hôn. Bà H yêu cầu như sau:

Về con chung: Bà H xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Trần Quốc Thịnh, sinh ngày 20/10/2015, hiện đang sống với ông X. Bà H đồng ý cho ông X được tiếp tục nuôi con, bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

Ông X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà kiên quyết xin ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông X yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông X xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

+ Về thẩm quyền: Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông Trần Văn X và bà Nguyễn Thị Ngọc H là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

+ Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự các văn bản tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt, việc xin xét xử vắng mặt này là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng đương sự trên. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong

hồ sơ và lời khai của đương sự tại phiên tòa để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những nội dung liên quan đến vụ án:

[2] Ông Trần Văn X và bà Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện tìm hiểu sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau vào ngày 20/10/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông X khởi kiện cho rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng do tính tình không hợp nhau, ông X đã tạo nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng không có kết quả. Xét thấy việc chung sống vợ chồng là phát sinh từ sự tự nguyện của hai bên, vợ chồng phải biết quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nhưng giữa ông X và bà H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ nhiều năm nay, ông X cũng xác nhận hiện nay không còn tình cảm với bà H nên kiên quyết xin ly hôn với bà H, đồng thời bà H cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với ông X. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, do đó sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông X với bà H.

[3] Về con chung: Ông X và bà H xác nhận có 01 người con chung tên Trần Quốc Thịnh, sinh ngày 20/10/2015, hiện đang sống với cha. Ông X và bà H thống nhất giao con chung cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng, ông X không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: ông X và bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ly hôn: Ông Trần Văn X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông X đã nộp theo biên lai thu số 0000280 ngày 12/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn X với bà Nguyễn Thị Ngọc H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Quốc Thịnh, sinh ngày 20/10/2015 cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng, ông X không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Bà H được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản, nợ chung: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ly hôn: Buộc Ông Trần Văn X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông X đã nộp theo biên lai thu số 0000280 ngày 12/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/12/2022).

Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BÙI CHÍ L

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.